ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHĨA GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 104 /KH-UBND	*Nghĩa Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Nghĩa Giang giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030,

Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Giang ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số xã Nghĩa Giang giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

1. Luật Chuyển đổi số ngày 11/12/2025;

2. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

3. Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

4. Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

5. Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

6. Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

7. Quyết định số 2692/QĐ-TTg ngày 11/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong lĩnh vực giao thông thông minh";

8. Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

9. Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

10. Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

11. Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Tỉnh ủy về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 20/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, thực chất, bền vững trên tất cả các lĩnh vực. Đến năm 2030, xã Nghĩa Giang phấn đấu hoàn thành xây dựng Chính quyền số, hình thành Chính quyền thông minh vận hành trên nền tảng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, hướng tới mô hình quản trị chủ động, dự báo, lấy người dùng làm trung tâm. Các hoạt động cơ bản của cơ quan nhà nước trên địa bàn xã được thực hiện trên các nền tảng số tập trung, thống nhất và liên thông giữa các cấp, các ngành, tạo lập hệ sinh thái số đồng bộ, hiện đại; đồng thời bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và góp phần giữ vững chủ quyền số quốc gia. AI trở thành công cụ cốt lõi trong quản trị công, cung cấp dịch vụ công và hỗ trợ ra quyết định chính sách, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp.

- Thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu, xã hội số phát triển văn minh, an toàn gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số

. **Giai đoạn 2026 - 2027*

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.

- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

*. ***Giai đoạn 2028 - 2030***

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ "cá thể hóa", thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

*. ***Giai đoạn 2026 - 2027***

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương triển khai đến cấp xã được vận hành theo đúng kế hoạch.

- 100% hồ sơ công việc ở xã được xử lý trên môi trường điện tử *(trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)* và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.

- 100% chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.

- 100% nhiệm vụ Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

*. ***Giai đoạn 2028 - 2030***

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- Cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.

- 100% cơ quan nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

2.2. Phát triển kinh tế số

. Giai đoạn 2026 - 2027

- Phấn đấu tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 8% GRDP.

- Phấn đấu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 5%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 2,5%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh sử dụng nền tảng số đạt trên 30%.

- Phấn đấu 10% doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.

*** Giai đoạn 2028-2030**

- Phấn đấu tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 15% GRDP.

- Phấn đấu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 5%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh sử dụng nền tảng số đạt trên 60%.

- Phấn đấu 25% doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

*. ***Giai đoạn 2026 - 2027***

- Phấn đấu tối thiểu 80% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Tối thiểu 40% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- Tối thiểu 85% người dân có Sổ sức khỏe điện tử.

- Tối thiểu 80% người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 85% dân số.

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã đạt 60%.

- Trên 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- 85% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 60% hộ gia đình có kết nối Internet.

*. ***Giai đoạn 2028 - 2030***

- Phấn đấu tối thiểu 90% dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Tối thiểu 95% người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.

- Tối thiểu 90% người dân trên địa bàn xã biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 90% dân số.

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã đạt 80%.

- Trên 90% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- 95% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 95% hộ gia đình có kết nối Internet.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã, Ban chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác chỉ đạo, triển khai chuyển đổi số và trực tiếp tham gia chỉ đạo công tác chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tuyến trên môi trường mạng; Hằng năm tổ chức Đoàn công tác kiểm tra trực tiếp các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn xã về công tác Chuyển đổi số.

2. Thể chế, chính sách

Xây dựng và ban hành các kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân xã và triển khai các văn bản của cấp có thẩm quyền để thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn xã.

3. Phát triển hạ tầng số

- Triển khai Mạng truyền số liệu chuyên dùng và các nền tảng, ứng dụng dùng chung của xã được kết nối trên mạng này, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu.

- Nâng cấp, quản lý, vận hành phòng họp trực tuyến của xã thông suốt, an toàn, bảo mật; bảo đảm phục vụ các phiên họp của các cấp.

4. Phát triển nhân lực số

- Phối hợp triển khai cung cấp học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học vụ số.

- Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào "Bình dân học vụ số" và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Phối hợp triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Triển khai khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng nâng cao tư duy chuyển đổi số, quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ lãnh đạo.

- Phối hợp tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số; tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hằng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên trên địa bàn xã.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai, xây dựng….

- Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu "Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung", kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

6. Bảo đảm an ninh mạng

- Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn về quy trình, biện pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn đối với việc quản lý, lưu

trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin.

- Đảm bảo 100% hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ (Mô hình 4 lớp).

7. Chính quyền số

- Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương triển khai đến cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn xã; thực hiện kết nối toàn bộ các nền tảng số do cấp trên triển khai, các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

- Tăng cường xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực bảo đảm tính "Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung", phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của xã dựa trên dữ liệu.

- Đầu tư đồng bộ trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị chuyên ngành tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn xã.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Liên kết hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thông qua triển khai chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Ứng dụng công nghệ, dữ liệu số trong sản xuất nông nghiệp thông minh, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao; tăng cường hoạt động kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên các sàn thương mại điện tử; ứng dụng giải pháp công nghệ số trong quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm nông nghiệp, thủy sản; truy xuất nguồn gốc; dự báo thị trường; quản lý quy hoạch; quản lý bảo vệ rừng; phòng, chống thiên tai; phòng, chống cháy rừng; phòng, chống dịch bệnh.

- Ứng dụng công nghệ số trong hỗ trợ khám, chữa bệnh, tư vấn chăm sóc sức khỏe trong và sau điều trị tại trạm y tế xã; triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa. Ứng dụng công nghệ số toàn diện tiến đến mỗi người dân đều có hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giảng dạy, tuyển sinh dựa trên công nghệ số, dữ liệu số; số hóa tài liệu, giáo trình; triển khai đồng bộ các nền tảng số dùng chung của các đơn vị trường học trên địa bàn xã.

- Số hóa dữ liệu các khu di tích lịch sử, văn hóa, du lịch bằng công nghệ 3D, 4D, tích hợp thuyết minh tự động để quản lý, giới thiệu trên nền tảng số, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh của xã bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Tiếp tục triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" rộng khắp trên địa bàn xã; hướng dẫn, tuyên truyền đến Nhân dân có thể dễ dàng tiếp cận; hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kiến

thức, kỹ năng về công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin cho người dân và doanh nghiệp; hỗ trợ người dân sử dụng chữ ký số cá nhân.

- Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng ở thôn trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số phổ biến, thanh toán không dùng tiền mặt, tương tác trên các sàn thương mại điện tử để từng bước hình thành văn hóa số.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Kịp thời triển khai, truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn xã.

- Tuyên truyền về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Duy trì chuyên mục chương trình phát thanh về Chuyển đổi số và truyền thông về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên hệ thống truyền thanh xã.

- Tham gia các Cuộc thi, Hội thi, Tọa đàm về Chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính trên địa bàn xã; các Cuộc thi tìm hiểu, các chiến dịch truyền thông về Chuyển đổi số trong đoàn viên, thanh niên, phụ nữ, nông dân trên địa bàn xã.

- Đẩy mạnh truyền thông, phổ biến và tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về đảm bảo an toàn thông tin cá nhân trên môi trường mạng cho người dân trên địa bàn xã.

- Truyền thông về các mô hình, điển hình trong hoạt động hiệu quả của Tổ công nghệ số cộng đồng ở thôn; phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng ở thôn để tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức và kỹ năng số, giúp người dân tiếp cận với các dịch vụ số, nền tảng số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ, đầu tư hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hằng năm *(trước ngày 15/11)* tổng hợp, tham mưu, báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân xã tình hình, kết quả triển khai thực hiện.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức khen thưởng các tổ chức, cá

nhân có thành tích xuất sắc; mô hình chuyển đổi số tiêu biểu góp phần mang lại hiệu quả trong công tác chuyển đổi số cũng như đóng góp phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn xã.

2. Phòng Kinh tế

Trên cơ sở nhu cầu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các thôn theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm

- Xây dựng Kế hoạch hoặc đưa vào nội dung chương trình công tác của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị và phù hợp với tình hình thực tế.

- Theo chức năng nhiệm vụ triển khai có hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung do các bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị để thúc đẩy phát triển chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn xã.

- Thực hiện rà soát, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hướng tới toàn trình.

- Triển khai rà soát, số hóa quy trình nội bộ; hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các ngành, lĩnh vực liên quan tới người dân; rà soát, đơn giản hóa các chế độ báo cáo, cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu.

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp về chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp, người dân thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Chủ động hợp tác trong phát triển Chuyển đổi số; tích cực tham gia các sáng kiến về Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ với cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và ứng phó với các mối đe dọa an ninh mạng.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch này để xây dựng dự toán, đề xuất và bố trí kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác; tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đầu tư theo phương thức đối tác công tư để phát triển Chuyển đổi số; đẩy mạnh huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan. Định kỳ hằng năm (*trước ngày 30/11*) báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này về UBND xã *(qua Phòng Văn hóa - Xã hội).*

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số xã Nghĩa Giang giai đoạn 2026-2030; đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện; nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc thì kịp thời báo cáo UBND xã *(qua Phòng Văn hóa - Xã hội)* để xem xét, điều chỉnh bổ sung nội dung đảm bảo phù hợp trong quá trình tổ chức, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy xã (báo cáo);
- Thường trực HĐND xã (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN, các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Công an xã, BCH Quân sự xã;
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các đơn vị trường học trên địa bàn xã;
- Trạm Y tế xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ NGHĨA GIANG T. QUẢNG NGÃI

Nguyễn Tấn Lực